Câu 1.

Những đồ vật nào có trong bức tranh sau?

A room with a couch and a table

Description automatically generated

[[bàn]], [[ghế]], [[thảm]], [[mèo]]

A.

bàn [[x]]

B.

ghế [[x]]

C.

chó

D.

thảm [[x]]

E.

mèo [[x]]

Câu 2.

Từ ngữ nào dưới đây viết đúng chính tả?

A.

rắn dỏi

B.

dung rinh

C.

dịu ràng

D.

rõ ràng

Câu 3.

Nghe đoạn trích sau và cho biết các loài chim đã giúp chim thiên đường làm gì?

((Audio))

A.

tập bay

B.

học bài

C.

xây tổ

D.

kiếm mồi

Câu 4.

Dòng nào dưới đây có thể kết thúc bằng dấu chấm?

A.

Cậu có thích đi Hạ Long không

B.

Tớ sẽ đi Hạ Long chơi vào kì nghỉ hè

C.

Gia đình cậu đi du lịch ở Hạ Long à

D.

Cậu đã đến Hạ Long bao giờ chưa

Câu 5.

Trong lời nhắn sau, bạn Đông Quân nhắn ông điều gì?

A pink rectangular box with text and teddy bear and flowers

Description automatically generated with medium confidence

A.

Bạn Quân nhắn ông đợi mình về để cùng chơi cờ.

B.

Bạn Quân nhắn ông đợi mình về để cùng xem phim hoạt hình.

C.

Bạn Quân nhắn ông đợi mình về để cùng đi tập thể dục.

D.

Bạn Quân nhắn ông đợi mình về để cùng ăn tối.

Câu 6.

Từ ngữ nào dưới đây chỉ nghề nghiệp?

A.

hoạ sĩ

B.

hàng xóm

C.

bố mẹ

D.

ông bà

Câu 7.

Dấu phẩy thích hợp điền vào những vị trí nào trong câu sau?

Mẹ tớ nấu ăn (1) rất ngon, canh chua (2) trứng rán (3) cá sốt,... món nào (4) mẹ làm tớ cũng thích.

A.

Vị trí số (1) và (2)

C.

Vị trí số (2) và (3)

B.

Vị trí số (1) và (3)

D.

Vị trí số (2) và (4)

Câu 8.

Chọn từ ngữ thích hợp điền vào chỗ trống trong câu văn sau:

Chiếc bánh bao (...) và thơm lừng.

A.

dẻo dai

B.

nóng nực

C.

mát lạnh

D.

nóng hổi

Câu 9.

Đáp án nào dưới đây là tục ngữ?

A.

Một điều nhịn, chín điều xấu.

B.

Một điều nhịn, chín điều nhường.

C.

Một điều nhịn, hai điều lành.

D.

Một điều nhịn, chín điều lành.

Câu 10.

Đáp án nào dưới đây chỉ gồm những từ chỉ sự vật trong bức tranh sau?

A person and a child playing with a kite

Description automatically generated

A.

cuốn sách, con diều, quả bóng, con gấu

B.

cuốn sách, con diều, quả bóng, con mèo

C.

cuốn sách, con diều, cái bàn, con mèo

D.

cặp sách, con diều, quả bóng, con mèo

Câu 11.

Từ ngữ nào dưới đây không cùng nhóm với các từ còn lại?

A.

ngoan ngoãn

B.

trẻ em

C.

nhi đồng

D.

thiếu nhi

Câu 12.

Câu nào dưới đây thích hợp để miêu tả khung cảnh thiên nhiên trong đoạn phim sau?

((Video)): Khoi 2/3 - Ôn luyện Trạng Nguyên Tiếng Việt - Khối 2 Năm học 2024 - 2025/3 - Ôn luyện vòng 3 - 2024 - 2025.html

Pause

Play

A.

Cơn gió thổi qua khiến những tán lá xanh lao xao trong gió.

B.

Ruộng hoa cải nở vàng hai bên bờ sông.

C.

Cánh đồng hoa hướng dương rực rỡ, lung linh dưới nắng.

D.

Những bông cải vàng nở rộ, rung rinh trong gió.

Câu 13.

Hình ảnh nào thích hợp để minh hoạ cho đoạn thơ sau?

Ông mặt trời óng ánh

Toả nắng hai mẹ con

Bóng mẹ và bóng con

Dắt nhau đi trên đường.

(Ngô Thị Bích Hiền)

A.

A child and child holding hands walking down a path

Description automatically generated

B.

A person and a child walking on a road with trees

Description automatically generated

C.

A child and child riding bikes on a road

Description automatically generated

D.

A person and child walking on a road with trees

Description automatically generated

Câu 14.

Hình ảnh sau gợi nhắc đến câu tục ngữ nào?

A cartoon of a child and a tree

Description automatically generated

A.

Kiến tha lâu cũng đầy tổ.

B.

Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.

C.

Cây ngay không sợ chết đứng.

D.

Đi hỏi già, về nhà hỏi trẻ.

Câu 15.

Điền số thích hợp vào chỗ trống:

Lạng Sơn mận trắng

Hà Nội đào phai

Huế bằng lăng tím

Sài Gòn vàng mai.

(Nguyễn Trọng Hoàn)

Trong đoạn thơ trên có [[4]] từ chỉ loài hoa.

Câu 16.

Điền "ng" hoặc "ngh" thích hợp vào chỗ trống:

thiên [[ng]] a

suy [[ngh]] ĩ

Câu 17.

Điền từ còn thiếu vào chỗ trống để hoàn thành đoạn thơ sau:

- Ngày hôm qua ở lại

Trên cành [[hoa]] trong vườn

Nụ hồng lớn lên mãi

Đợi đến ngày toả hương.

(Theo Bế Kiến Quốc)

Câu 18.

Điền "rong" hoặc "dong" vào chỗ trống trong câu văn sau:

Chúng tôi ùa tới chỗ bác bán hàng [[rong]] trong công viên để mua kem.

Câu 19.

Điền tiếng thích hợp vào chỗ trống:

Cây soan trước ngõ nhà em nở hoa tím biếc.

Câu văn trên có tiếng [[soan]] viết sai chính tả, sửa lại là [[xoan]].

Câu 20.

Điền dấu câu thích hợp vào chỗ trống trong đoạn văn miêu tả hình ảnh sau:

A family sitting on a blanket with food on it

Description automatically generated

Cuối tuần, cả nhà Tuân đi cắm trại [[.]]. Tuân hăng hái giúp bố nướng đồ ăn còn mẹ thì bế bé Bi ngồi bên cạnh, chốc chốc lại nhắc hai bố con lật đồ ăn. Bữa trưa của nhà Tuân có thịt [[,]] xúc xích [[,]] nước ngọt và rau. Mọi người vừa cùng nhau nướng đồ ăn vừa cười nói rất vui vẻ.

Câu 21.

Điền từ còn thiếu vào chỗ trống để hoàn thành thành ngữ sau:

Trước lạ sau [[quen]]

Câu 22.

Giải câu đố sau:

Để nguyên - loài thú đốm đen

Bỏ sắc - túi rộng ta đem đựng đồ.

Từ bỏ sắc là từ [[mèo]].

Câu 23.

Hãy ghép hình ảnh với tên nghề nghiệp thích hợp.

 ).png [(đầu bếp)]

A cartoon of a person holding a book

Description automatically generated [(giáo viên)]

 ).png [(bác sĩ)]

Câu 24.

Hãy ghép các từ ở hai vế để tạo thành cặp từ có nghĩa trái ngược nhau.

dày [(mỏng)]

cao [(thấp)]

rộng [(hẹp)]

Câu 25.

Hãy ghép hình ảnh với tên đồ dùng học tập thích hợp.

 ).png [(thước kẻ)]

A pink eraser with a blue eraser

Description automatically generated [(cục tẩy)]

 ).png [(bút chì)]

Câu 26.

Hãy ghép hai vế với nhau để tạo thành thành ngữ hoàn chỉnh.

Đồng sức [(đồng lòng)]

Môi hở [(răng lạnh)]

Kề vai [(sát cánh)]

Câu 27.

Hãy ghép hình ảnh với câu văn miêu tả thích hợp.

A cartoon of a child jumping rope

Description automatically generated [(Hân chơi nhảy dây để rèn luyện sức khoẻ.)]

A child painting on a canvas

Description automatically generated [(Lan đang vẽ một bức tranh phong cảnh.)]

A cartoon of a child writing on a book

Description automatically generated [(Linh đang chăm chỉ học bài.)]

Câu 28.

Kéo thả các từ ngữ sau vào nhóm thích hợp.

Lưu ý: Với những từ ngữ không thuộc nhóm nào, em không xếp.

rèn luyện

vui chơi

quyển sách

nhi đồng

bánh bao

con nít

hồn nhiên

đáng yêu

thiếu nhi

ngây thơ

học tập

quả hồng

Dưới đây là các nhóm:

Từ ngữ chỉ trẻ em [[nhi đồng || con nít || thiếu nhi]], [[nhi đồng || con nít || thiếu nhi]], [[nhi đồng || con nít || thiếu nhi]]

Từ ngữ chỉ đặc điểm của trẻ em [[hồn nhiên || đáng yêu || ngây thơ]], [[hồn nhiên || đáng yêu || ngây thơ]], [[hồn nhiên || đáng yêu || ngây thơ]]

Từ ngữ chỉ hành động của trẻ em [[rèn luyện || vui chơi || học tập]], [[rèn luyện || vui chơi || học tập]], [[rèn luyện || vui chơi || học tập]]

Câu 29.

Kéo thả các từ ngữ sau vào nhóm thích hợp.

Lưu ý: Với những từ ngữ không thuộc nhóm nào, em không xếp.

tia nắng

nhà máy

giấy bút

bệnh viện

trường học

giáo viên

máy tính

bác sĩ

kĩ sư

ống nghe

đám mây

giọt sương

Dưới đây là các nhóm:

Từ ngữ chỉ nghề nghiệp [[giáo viên || bác sĩ || kĩ sư]], [[giáo viên || bác sĩ || kĩ sư]], [[giáo viên || bác sĩ || kĩ sư]]

Từ ngữ chỉ dụng cụ dùng khi làm việc [[giấy bút || máy tính || ống nghe]], [[giấy bút || máy tính || ống nghe]], [[giấy bút || máy tính || ống nghe]]

Từ ngữ chỉ nơi làm việc [[nhà máy || bệnh viện || trường học]], [[nhà máy || bệnh viện || trường học]], [[nhà máy || bệnh viện || trường học]]

Câu 30.

Sắp xếp các tiếng sau thành câu hoàn chỉnh.

công

viên

dục.

Ông

đến

tập

thể

[(Ông)] [(đến)] [(công)] [(viên)] [(tập)] [(thể)] [(dục.)]